

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ SỐ: 8340101.01

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHVN ngày tháng năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
 - + Tiếng Anh: Business Administration
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8340101.01
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Ngôn ngữ đào tạo: Chương trình được giảng dạy bằng tiếng Anh, trừ 2 học phần sau: Triết học (tiếng Việt), Tiếng Nhật (tiếng Việt và tiếng Nhật). Luận văn tốt nghiệp được viết và bảo vệ bằng tiếng Anh.
- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
 - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Business Administration
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Chương trình Quản trị kinh doanh - Khoa Khoa học xã hội liên ngành - Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Việt Nhật được xây dựng dựa trên triết lý kinh doanh mang tính bền vững, áp dụng các mô hình quản trị tiên tiến trên thế giới, đặc biệt chú trọng vào văn hoá Á Đông trong đó tập trung vào quản trị theo phong cách Nhật Bản.

Mục tiêu của chương trình là đào tạo học viên trở thành những doanh nhân, nhà lãnh đạo doanh nghiệp với tầm nhìn và tri thức về quản trị kinh doanh trong môi trường toàn cầu; có năng lực điều hành, tổ chức và thực thi các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

Học viên tốt nghiệp đáp ứng tốt yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao cũng như yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ tại các đại học danh tiếng trên thế giới; các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước, đặc biệt là các doanh nghiệp của Nhật Bản đang hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức: Trang bị cho học viên các kiến thức nền tảng và chuyên sâu, mang tính liên ngành cả về lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh;

- Kỹ năng: Trang bị cho học viên các kỹ năng tác nghiệp và phương pháp tư duy khoa học, tư duy chiến lược, tư duy khởi nghiệp trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh;

- Phẩm chất đạo đức: Trang bị cho học viên phẩm chất chính trị, đạo đức và nhân cách tốt, có trách nhiệm với các chủ thể của nền kinh tế - xã hội.

3. Thông tin tuyển sinh

Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển thẳng hoặc xét tuyển.

Thông tin tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN và đề án tuyển sinh của đơn vị được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

a. Kiến thức chung

PLO1 Vận dụng các kiến thức và phương pháp luận của chủ nghĩa triết học Mác - Lênin để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và trong chuyên môn;

b. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

PLO2 Thể hiện những quy tắc cơ bản của văn hóa Nhật Bản, cách ứng xử trong kinh doanh và phong cách học thuật;

PLO3 Vận dụng một cách sáng tạo các lý thuyết căn bản cũng như kinh nghiệm thực tiễn đã được đúc kết trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh để giải quyết các vấn đề trong kinh doanh với góc tiếp cận lấy mục tiêu phát triển bền vững làm trọng tâm;

PLO4 Đánh giá các nội dung kiến thức trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh từ kiến thức cơ bản đến chuyên sâu: quản trị nhân sự, quản trị marketing, quản trị chiến lược, quản trị tài chính, quản trị hoạt động sản xuất, ...; đặc biệt là các

mô hình quản trị tiên tiến của Nhật Bản để ứng dụng vào quản trị doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa;

PLO5 Phát triển các nghiên cứu độc lập để có đóng góp về mặt khoa học cho ngành Quản trị kinh doanh.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

a. Kỹ năng chuyên môn

PLO6 Có khả năng phản biện, phân tích độc lập, đánh giá tổng hợp để đưa ra các giải pháp giải quyết các vấn đề kinh doanh một cách hiệu quả;

PLO7 Có kỹ năng khởi nghiệp: xây dựng và lập kế hoạch kinh doanh, quản lý và vận hành kế hoạch kinh doanh thích ứng với môi trường kinh doanh thay đổi;

PLO8 Đánh giá được các vấn đề nảy sinh trong quá trình điều hành doanh nghiệp một cách kịp thời, từ góc độ phát triển bền vững;

b. Kỹ năng bổ trợ

PLO9 Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm, lãnh đạo, tổ chức nhóm và giao tiếp hiệu quả;

PLO10 Sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

PLO11 Thể hiện tinh thần không ngừng tiếp tục học hỏi, thay đổi để tốt hơn, tôn trọng khác biệt văn hóa, đảm bảo trình độ chuyên môn phù hợp với sự vận động thay đổi toàn cầu;

PLO12 Thể hiện mong muốn phát triển kinh tế xanh đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước;

PLO13 Thể hiện khả năng đưa ra quyết định tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong kinh doanh;

PLO14 Thể hiện lòng yêu nước, tự tôn dân tộc, có trách nhiệm với mục tiêu phát triển bền vững của cộng đồng, tuân thủ pháp luật và các giá trị đạo đức.

4. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Tốt nghiệp chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Việt Nhật, học viên có thể làm việc tại các vị trí sau:

- Tự khởi nghiệp và trở thành chủ doanh nghiệp;

- Làm việc ở các vị trí quản lý tại các doanh nghiệp, tập đoàn đa quốc gia, các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, trong đó có các doanh nghiệp Nhật Bản;

- Các vị trí về hoạch định chính sách trong các cơ quan, tổ chức của Chính phủ, Bộ, Ban, Ngành; Các vị trí phù hợp trong các tổ chức quốc tế, cơ quan ngoại giao, tổ chức chính phủ và tổ chức phi chính phủ.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình:

- Có khả năng nghiên cứu, giảng dạy về các học phần, chủ đề liên quan đến Quản trị kinh doanh;

- Có khả năng theo học các chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ liên quan đến lĩnh vực quản trị, kinh tế và các chương trình phù hợp tại các đại học uy tín trong nước và trên thế giới.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	64 tín chỉ
- <i>Khối kiến thức chung</i>	<i>09 tín chỉ</i>
- <i>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</i>	<i>30 tín chỉ</i>
+ <i>Các học phần bắt buộc</i>	<i>20 tín chỉ</i>
+ <i>Các học phần tự chọn</i>	<i>10/31 tín chỉ</i>
- <i>Nghiên cứu khoa học</i>	<i>25 tín chỉ</i>
+ <i>Chuyên đề nghiên cứu</i>	<i>13 tín chỉ</i>
+ <i>Luận văn thạc sĩ</i>	<i>12 tín chỉ</i>

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Khối kiến thức chung		9				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	140	
2	ENG5001	Tiếng Anh B2 (SĐH)* <i>English B2(Postgraduate)</i>	5	75	0	175	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		30				
<i>II.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>20</i>				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
3	VJU6001	Cơ sở khoa học bền vững <i>Basic of Sustainability Science</i>	3	30	30	90	
4	VJU6002	Phương pháp luận và Hệ thống thông tin cho Khoa học bền vững <i>Methodology and Informatics for Sustainable Science</i>	3	30	30	90	VJU6001
5	MBA6011	Quản trị Marketing <i>Marketing Management</i>	3	30	30	90	
6	MBA6013	Quản trị hoạt động sản xuất <i>Operations Management</i>	3	30	30	90	
7	MBA6010	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	3	30	30	90	
8	MBA6012	Quản trị chiến lược <i>Strategic Management</i>	3	30	30	90	
	<i>Học viên lựa chọn một trong hai học phần tiếng Nhật VJU5004, VJU5010 dưới đây tùy thuộc theo trình độ đầu vào:</i>		2/4				
9	VJU5004	Tiếng Nhật <i>Japanese Language Beginner</i>	2	5	50	45	
10	VJU5010	Tiếng Nhật nâng cao <i>Japanese Language Upper</i>	2	20	20	60	JLPT N2
II.2	Các học phần lựa chọn		10/31				
11	MBA6023	Kế toán doanh nghiệp <i>Accounting for Business</i>	2	20	20	60	
12	MBA6021	Tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Finance</i>	2	20	20	60	
13	MBA6022	Quản trị doanh nghiệp <i>Corporate Governance</i>	2	20	20	60	
14	MPP6009	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	3	30	30	90	
15	MBA6030	Kinh tế và quản trị thương mại Nhật Bản hiện đại <i>Economy and Business Management in Contemporary Japan</i>	2	20	20	60	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
16	MBA6017	Chính phủ và kinh tế thị trường <i>Government and Market Economy</i>	2	20	20	60	
17	MBA6019	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resource Management</i>	2	20	20	60	
18	MBA6026	Kinh doanh quốc tế <i>International Business</i>	2	20	20	60	
19	VJU5100	Tiếng Nhật I <i>Japanese Language I</i>	2	10	20	70	VJU5004
20	VJU5101	Tiếng Nhật II <i>Japanese Language II</i>	2	10	20	70	VJU5010
21	MBA6020	Lãnh đạo <i>Leadership</i>	2	20	20	60	
22	MBA6024	Hệ thống thông tin quản lý <i>Management Information Systems</i>	2	20	20	60	
23	MBA6018	Kinh tế quản trị <i>Managerial Economics</i>	2	20	20	60	MBA6017
24	MBA6027	Quản trị rủi ro <i>Risk Management</i>	2	20	20	60	
25	MBA6025	Công nghệ và quản trị đổi mới <i>Technology and Innovation Management</i>	2	20	20	60	
III	Nghiên cứu khoa học		25				
III.1	Chuyên đề nghiên cứu		13				
26	VJU7200	Tiếng Anh học thuật và kỹ năng nghiên cứu <i>Academic English and Research Skills</i>	2	20	20	60	
27	VJU7201	Thống kê cho Khoa học xã hội <i>Statistics for Social Sciences</i>	2	20	20	60	
28	MPP6016	Phương pháp nghiên cứu <i>Research Methodology</i>	3	30	30	90	
29	MBA6100	Thực tập nghiên cứu <i>Research Internship</i>	6	30	120	150	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
III.2	Luận văn thạc sĩ		12				
30	MBA7200	Luận văn thạc sĩ <i>Master's Thesis</i>	12	0	0	600	52 tín chỉ
Tổng cộng			64				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lý thuyết (2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận (3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá.

** Học phần Tiếng Anh B2 (SDH) là học phần điều kiện, có khối lượng 5 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần Tiếng Anh B2 (SDH) không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo.*